

Số: 19/2022/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XV KỶ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 3925/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Các Dự án, kế hoạch, phương án sản xuất được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm phê duyệt.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Lao động - TB và XH, Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Phương



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ: Từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan Chủ quản chương trình phù hợp với từng chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung:

a) Đối với nguồn kinh phí của Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững

Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường;

Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi;

Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi;

Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ;

Phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm;

Xây dựng, quản lý dự án.

b) Đối với nguồn kinh phí của Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường;

Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản lý chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ;

Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ;

Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật;

Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm;

Hỗ trợ chi các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối.

c) Đối với nguồn kinh phí của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Chi phí tư vấn xây dựng liên kết;

Xây dựng mô hình khuyến nông, đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường;

Chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi;

Hạ tầng phục vụ liên kết, bao gồm: máy móc, trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết (nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp);

Giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

d) Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, nhưng không quá 03 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch liên kết.

2. Mẫu hồ sơ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết của chủ trì liên kết (theo **Mẫu số 01** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

b) Dự án liên kết (theo **Mẫu số 02** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo **Mẫu số 03** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

c) Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết (theo **Mẫu số 04** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác ký hợp đồng liên kết với nhau.

d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo **Mẫu số 05** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

đ) Bản sao chụp hợp đồng liên kết (theo **Mẫu số 06** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

a) Lập hồ sơ

Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ theo Mẫu quy định tại Khoản 2 Điều này; trong đó, có 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp); 11 bộ hồ sơ còn lại photo có dấu đỏ của đơn vị chủ trì dự án, kế hoạch liên kết gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

b) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc phòng Kinh tế) cấp huyện là đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề xuất các dự án, kế hoạch liên kết. Trên cơ sở đề xuất của đơn vị chủ trì liên kết, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc phòng Kinh tế) cấp huyện tham mưu cho UBND cấp huyện tổ chức rà soát, lựa chọn các dự án, kế hoạch liên kết phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp của huyện, tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Thẩm định

Đối với các dự án, kế hoạch liên kết gắn với sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh hoặc có hoạt động sản xuất trong phạm vi từ 02 huyện, thị xã, thành phố trở lên: Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực Nông, lâm nghiệp làm Chủ tịch Hội đồng; các thành viên: lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Đối với các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi 01 huyện, thị xã, thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Chủ tịch Hội đồng; các thành viên: lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo

các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Cuộc họp Hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên dự họp.

Hội đồng thẩm định thông qua và đề nghị phê duyệt khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên dự họp phải đạt từ 80% trở lên.

d) Phê duyệt

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết gắn với sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh hoặc có hoạt động sản xuất trong phạm vi từ 02 huyện, thị xã, thành phố trở lên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi 01 huyện, thị xã, thành phố trừ các dự án, kế hoạch liên kết thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải tham mưu ban hành Quyết định phê duyệt dự án theo phân cấp. Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định, chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời và nêu rõ lý do, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nội dung Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách); nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Nội dung hỗ trợ: Từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan Chủ quản chương trình phù hợp với từng chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung:

a) Đối với nguồn kinh phí của Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững

Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm;

Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi;

Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi;

Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ;

Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả;

Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao;

Xây dựng, quản lý dự án.

b) Đối với nguồn kinh phí của Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người tham gia dự án;

Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất;

Phát triển ngành nghề và dịch vụ: thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc, thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm;

Các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng.

Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả;

Xây dựng, quản lý dự án.

c) Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, nhưng không quá 01 tỷ đồng/ 01 dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Mẫu hồ sơ

a) Biên bản họp cộng đồng dân cư (theo **Mẫu số 07** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

b) Danh sách thành viên cộng đồng dân cư (theo **Mẫu số 08** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

c) Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (theo **Mẫu số 09** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

d) Dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (theo **Mẫu số 10** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng

a) Lập hồ sơ

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị cấp huyện được giao chủ đầu tư để xây dựng dự án và lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án là đầu mối tiếp nhận hồ sơ. Trên cơ sở đề xuất thực hiện dự án của cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn cấp huyện tổ chức rà soát, đánh giá, lựa chọn dự án phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp của xã; tổng hợp gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

c) Thẩm định

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất và các đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; Lãnh đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế); Lãnh đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Lãnh đạo phòng Dân tộc; Lãnh đạo phòng Tài chính - Kế hoạch; Lãnh đạo phòng, ban chuyên môn khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

Cuộc họp Tổ thẩm định chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên dự họp.

Tổ thẩm định thông qua và đề nghị phê duyệt khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên dự họp phải đạt từ 80% trở lên.

d) Phê duyệt

Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải ban hành Quyết định phê duyệt dự án theo phân cấp. Trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề xuất cộng đồng thực hiện trên địa bàn từ 02 xã trên địa bàn huyện trở lên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đề xuất cộng đồng thực hiện trên địa bàn 01 xã.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra

của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 3 và nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị đặt hàng

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương là cơ quan Chủ quản các Chương trình mục tiêu quốc gia./.

Mẫu số 01. Đơn đề nghị hỗ trợ liên kếtTên chủ trì liên kết**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp****Kính gửi:**

- UBND tỉnh Điện Biên;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên;
- UBND huyện, thị xã, thành phố

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị của..... (Tên Chương trình Mục tiêu quốc gia).....,(tên đối tượng tham gia liên kết)..... đề nghị UBND tỉnh (hoặc UBND huyện, thị xã, thành phố):

I. Thông tin chung

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết:
2. Địa bàn thực hiện:
3. Quy mô liên kết:
4. Tổng nguồn vốn (*vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn của các thành viên tham gia liên kết, vốn tín dụng ưu đãi*):
5. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. Đề nghị hỗ trợ của nhà nước

1. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường:

2. Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi:
3. Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi:
4. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ:
5. Phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm:
6. Xây dựng, quản lý dự án:
7. Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường:
8.

(Các nội dung đề nghị hỗ trợ chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. Cam kết: (tên chủ trì liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. Tài liệu kèm theo (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

1.
2. /.

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Dự án liên kết theo chuỗi giá trị

Tên chủ trì liên kết **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/..... , ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ
.....(tên hình thức liên kết).....

Phần I
GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN

I. Tên dự án liên kết:

II. Các đối tượng tham gia

1. Chủ trì liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail:

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail:

c)

3. Số lượng hộ gia đình nông dân tham gia liên kết (phân theo từng loại đối tượng theo từng chương trình mục tiêu quốc gia quy định):

III. Địa điểm thực hiện Dự án:

IV. Căn cứ pháp lý xây dựng dự án (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN

I. Mục tiêu của dự án:

II. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án và sự cần thiết xây dựng dự án liên kết

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):

2. Tổng quan về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. Nội dung của dự án

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

4. Hình thức liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. Các nội dung đề nghị hỗ trợ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ (số lượng, nội dung, thời gian, kinh phí ...)

1.1. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường:

1.2. Chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi:

1.3. Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi:

1.4. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ:

1.5. Phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm:

1.6. Xây dựng, quản lý dự án:

1.7. Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường:

1.8.

(Các nội dung đề nghị hỗ trợ chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

4. Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn: ngân sách nhà nước (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm), vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách:

5. Các hồ sơ gửi kèm (chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. Dự kiến hiệu quả và tác động của dự án

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

VI. Xử lý vi phạm

Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết, đối tượng tham gia liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Phần III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ****I. Kế hoạch tổ chức thực hiện dự án**

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. Tổ chức thực hiện**III. Kiến nghị**

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Kế hoạch đề nghị hỗ trợ Dự án liên kết**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

KẾ HOẠCH LIÊN KẾT**I. Thông tin chung**

1. Chủ trì liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Fax: Email:
2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)
- a) Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:E-mail
- b) Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:E-mail
- c)
3. Số lượng hộ gia đình nông dân tham gia liên kết (phân theo từng loại đối tượng theo từng chương trình mục tiêu quốc gia quy định)
4. Tổng quan về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trước khi thực hiện dự án và sự cần thiết xây dựng dự án
5. Địa điểm thực hiện liên kết:

II. Nội dung của liên kết

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
2. Quy mô liên kết:
3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
4. Hình thức liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
6. Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm

III. Các nội dung đề nghị hỗ trợ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ (số lượng, nội dung, thời gian, kinh phí ...)

1.1. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường:

1.2. Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi:

1.3. Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi:

1.4. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ:

1.5. Phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm:

1.6. Xây dựng, quản lý dự án:

1.7. Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường:

1.8.

(Các nội dung đề nghị hỗ trợ chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có)

IV. Dự kiến hiệu quả và tác động của chính sách hỗ trợ

V. Kế hoạch tiến độ và tổ chức thực hiện

VI. Kiến nghị

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

Ngày tháng năm , tại
....., chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết như sau:

I. Đơn vị chủ trì liên kết:

II. Thông tin chung về liên kết

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. Tổng mức đầu tư của liên kết: đồng,
trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng.
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng, gồm:
 - (tên đơn vị tham gia liên kết).....:
 - (tên đơn vị tham gia liên kết).....:

3. Các nguồn vốn khác: đồng.

IV. Thực hiện liên kết

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ trì dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Kính gửi:
(cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, cấp huyện)

Chủ trì liên kết:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt

Lâm nghiệp

Chăn nuôi

Nuôi trồng thủy sản

Khai thác, sản xuất muối Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện)

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ.....
Số:/ 20/HĐSXTT

Căn cứ:

Bộ luật dân sự năm 2015;

.....

Hôm nay, ngày..... tháng năm 20....,
tại, hai bên chúng tôi gồm:

BÊN A: DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Mã số thuế:

Tài khoản:

Do ông/bà:

Chức vụ: làm đại diện.

BÊN B: TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN/NÔNG DÂN.....

Do ông/bà :..... Chức vụ: làm đại diện.

CMND/CCCD số:..... ngày cấp nơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản:

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung chính

1. Bên B đồng ý Hợp đồng sản xuất và bán (tiêu thụ)cho
bên A:

- Thời gian sản xuất: từ ngày..... tháng năm đến ngày....
tháng năm.....

- Diện tích: ha.

- Sản lượng dự kiến: tấn.

- Địa điểm:

2. Bên A đồng ý hợp đồng (sản xuất/cung cấp dịch vụ/mua/bán/tiêu thụ -
trả ngay hoặc ghi nợ) cho bên B (sản xuất/cung cấp dịch vụ/mua/bán/tiêu thụ -
trả ngay hoặc ghi nợ), cụ thể như sau:

Tên sản phẩm	Diện tích sản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
--------------	---------------	----------	---------	------------

	xuất (ha)	(tấn)	(đồng/tấn)	(đồng)
1.				
2.				
Tổng cộng				

3. Nếu bên B tự mua (*tên giống hoặc vật tư, dịch vụ*).....
: (*tên giống hoặc vật tư*) mà bên B tự mua phải là loại
đạt tiêu chuẩn, chất lượng của, được sự chứng nhận của cơ quan có
thẩm quyền.

4. Bên B bán hàng hóa cho bên A:

- Số lượng tạm tính:

- Với quy cách, chất lượng, phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm do hai bên đã thoả thuận được ghi ở Điều 2 dưới đây và với số lượng thực tế khi thu hoạch.

Điều 2. Tiêu chuẩn chất lượng và quy cách hàng hóa Bên B phải đảm bảo

1. Chất lượng hàng theo quy định.....

2. Quy cách hàng hóa

3. Bao bì đóng gói

Điều 3. Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp

1. Thời gian giao hàng

2. Địa điểm giao, nhận hàng

3. Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận

Điều 4. Giá cả và phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng

1. Giống và vật tư (*áp dụng cho trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B*):

- Giá các loại vật tư, phân bón, công lao động.

- Phương thức thanh toán.

- Thời hạn thanh toán.

2. Sản phẩm hàng hóa

- Tiêu chuẩn (các tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa phải đạt được).

- Giá nông sản dự kiến (giá trên thị trường tại thời điểm thu hoạch hoặc giá sàn hoặc mức bù giá...).

- Giá thu mua của sản phẩm dự án/kế hoạch liên kết bằng giá thị trường tại thời điểm thu hoạch hoặc cao hơn giá thị trường đồng/kg (hoặc %).

- Phương thức và thời điểm thanh toán.

3. Địa điểm giao hàng

- Ghi rõ địa điểm bên B giao sản phẩm nông sản hàng hoá cho bên A.

Điều 5. Trách nhiệm bên A

- Giới thiệu doanh nghiệp/đơn vị cung cấp vật tư nông nghiệp (*phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn,...*) cho bên B nếu bên B có nhu cầu.

- Đảm bảo giao giống đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, qui cách và thời hạn đã cam kết (*đối với trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B giống phục vụ sản xuất*).

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách - phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A (*căn cứ theo lịch điều phối của bên A*).

- Cung cấp bao bì đựng cho bên B (*nếu có yêu cầu*) sau khi đạt được thỏa thuận mua bán giữa hai bên.

Điều 6. Trách nhiệm bên B

- Bên B phải tuân thủ các qui trình canh tác theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp.

- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách về phẩm chất, số lượng (*theo thực tế thu hoạch*), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

- Cung cấp cho bên A các thông tin về quá trình canh tác, thời gian thu hoạch, địa điểm giao hàng v.v....

- Lập danh sách hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn (*có danh sách kèm theo hợp đồng*).

Điều 7. Về chia sẻ rủi ro bất khả kháng và biến động giá cả thị trường

1. Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng các thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của ủy ban nhân dân xã (huyện) nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

- Ngoài ra, Bên A còn có thể thỏa thuận miễn giảm% giá trị vật tư, tiền vốn ứng trước cho Bên B theo sự thỏa thuận của hai bên.

2. Trường hợp giá cả thị trường có đột biến gây thua thiệt quá khả năng tài chính của Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên B điều chỉnh giá bán nông sản hàng hóa cho Bên A so với giá đã ký tại Điều 1 của hợp đồng này.

- Ngược lại, nếu giá cả thị trường tăng có lợi cho Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên A tăng giá mua nông sản cho Bên B.

Điều 8. Trách nhiệm vật chất của các bên trong việc thực hiện hợp đồng

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào không thực hiện đúng, thực hiện không đầy đủ

hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bị phạt bồi thường thiệt hại vật chất.

- Mức phạt vi phạm hợp đồng về số lượng, chất lượng, giá cả, thời gian và địa điểm phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận ghi vào hợp đồng.

+ Mức phạt về không đảm bảo số lượng: (.....% giá trị hoặc..... đồng/đơn vị)

+ Mức phạt về không đảm bảo chất lượng

+ Mức phạt về không đảm bảo thời gian

+ Mức phạt về sai phạm địa điểm

+ Mức phạt về thanh toán chậm

- Mức bồi thường không thực hiện đúng cam kết thu mua sản phẩm của dự án (mua thấp hơn 80% sản lượng): tỷ lệ bồi thường là % tổng giá trị sản lượng không thu mua hoặc đồng/tấn; giá bồi thường tính theo giá thị trường tại thời điểm thu hoạch. Trường hợp chủ trì liên kết thu mua sản phẩm dự án với giá thấp hơn giá thị trường thì chủ trì liên kết phải bù chênh lệch giá trị đảm bảo bằng 80% giá trị tổng sản lượng của dự án; giá bù chênh lệch tính theo giá thị trường tại thời điểm giá cao nhất.

Điều 9. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

Điều 10. Điều khoản chung

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành.... bản, mỗi bên giữ..... bản có giá trị ngang nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã hoặc phòng công chứng huyện chứng thực

UBND XÃ....
Thôn, bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn/bản), ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/bản..... đã tổ chức họp để:..... (nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia khác: Đại diện UBND huyện (nếu có), Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, các hộ dân trong cộng đồng dân cư hoặc các thành viên của Tổ hợp tác có cùng nguyện vọng tham gia thực hiện dự án, số lượng đối tượng tham gia:....

2. Nội dung cuộc họp

2.1. Thống nhất việc cử người đại diện của cộng đồng dân cư trong thực hiện xây dựng, hỗ trợ dự án/phương án sản xuất cộng đồng như sau:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Ông/bà: (người đại diện theo pháp luật cộng đồng) sẽ chịu trách nhiệm ký các thủ tục, hồ sơ có liên quan của tổ/nhóm cộng đồng khi tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định của pháp luật và xin ý kiến các thành viên tổ, nhóm đối với các vấn đề quan trọng cần quyết định của tập thể.

2.2. Thống nhất đề xuất xây dựng dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng như sau:

a. Sự cần thiết

b. Tên dự án/phương án

c. Địa điểm, thời gian, quy mô thực hiện

d. Các hoạt động

e. Nội dung đề nghị hỗ trợ

f. Dự toán kinh phí thực hiện (chi tiết nguồn vốn)

g. Hình thức quay vòng (nếu có)

h. Hiệu quả, kết quả đầu ra

i. Trách nhiệm của các bên tham gia

2.3. Lập danh sách các đối tượng tham gia dự án/phương án như sau:

TT	Họ tên người đại diện hộ gia đình tham gia dự án/phương án	Địa chỉ	Hộ gia đình thuộc diện (HN, HCN, HMTN, khác)	Lao động trong độ tuổi (Người)	Dân tộc	Nội dung đăng ký hỗ trợ	Đối ứng của hộ (Ghi rõ đối ứng bằng tiền hoặc hiện vật)	Đăng ký vay vốn từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)	Ký xác nhận hoặc dấu tay điểm chỉ	Ghi chú
1	Lò Văn A									Đại diện cộng đồng

Các thành viên tham gia dự án/phương án cam kết sẽ bố trí đủ kinh phí đối ứng để cùng thực hiện dự án/phương án theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Cuộc họp đã kết thúc vào... giờ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

Thư ký cuộc họp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì (Trưởng thôn/bản)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Nếu dự án triển khai trên địa bàn nhiều xã, bổ sung thành phần UBND cấp huyện.

Mẫu số 08. Danh sách thành viên cộng đồng dân cư**Tên cộng đồng dân cư****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Căn cứ biên bản họp cộng đồng dân cư ngày

Cộng đồng dân cư lập danh sách thành viên gồm những người có tên sau:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số CCCD hoặc hộ chiếu	Chữ ký

Chứng thực của UBND cấp xã
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)**Đại diện cộng đồng**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 09. Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồngTên cộng đồng dân cư**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**V/v hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng****Kính gửi:**

- UBND huyện, thị xã, thành phố
- UBND xã

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc
(Tên Chương trình Mục tiêu quốc gia).....,(tên người đại diện cộng đồng dân cư)..... đề nghị UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã hỗ trợ thực hiện dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng với các nội dung sau:

I. Thông tin chung

1. Loại sản phẩm hỗ trợ:
2. Tiến độ thực hiện:
3. Tổng nguồn vốn (*vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn của các thành viên tham gia liên kết, vốn tín dụng ưu đãi*):

II. Các nội dung đề nghị hỗ trợ

(*Các nội dung đề nghị hỗ trợ chi tiết theo loại hình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của từng Chương trình mục tiêu quốc gia*)

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. Cam kết: (tên người đại diện cộng đồng) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia theo nội dung đã đăng ký và dự án/phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. Tài liệu kèm theo (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

1.

2. /.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG

DÂN CƯ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10. Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc)
2. Mục tiêu dự án/ phương án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo)
3. Đối tượng tham gia
4. Thời gian triển khai
5. Địa bàn thực hiện
6. Các hoạt động của dự án/phương án
7. Dự toán kinh phí thực hiện: ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện và vốn đối ứng các hộ tham gia (nếu có)
8. Hình thức, mức quay vòng vốn (nếu có)
9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện; Trách nhiệm cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp
10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có)
11. Tổ chức thực hiện dự án
12. Các nội dung khác liên quan

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ*(Ký và ghi họ tên)*